

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN EAKAR
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **20/2017/DS-ST**

Ngày: 28/9/2017

V/v: *Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EAKAR, TỈNH ĐẮK LẮK
*Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

- *Thẩm phán, chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Đình Cương.

- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Thế Hằng và bà Nguyễn Thị Tuyết.

Thư ký phiên tòa: Ông Y Kăn Niê – Thư ký Tòa án nhân dân huyện EaKar.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện EaKar tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Tại - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 28/9/2017, Tòa án nhân dân huyện EaKar mở phiên tòa xét xử công khai vụ án dân sự sơ thẩm về việc “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*”, thụ lý số 143/2017/TLST-DS ngày 18/7/2017; Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2017/QĐST-DS ngày 14/9/2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Trần Thị L**, sinh năm 1973.

Địa chỉ: Thôn 14, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk - *Có mặt.*

2. Bị đơn: Bà **Cao Thị N**, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Thôn 14, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk - *Có mặt.*

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Phạm Thanh H, sinh năm 1980.

Địa chỉ: Thôn 14, xã E, huyện K, tỉnh Đắk - *Có mặt.*

- Ông Nguyễn Đình L, sinh năm 1971.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Đình Linh: Bà Bà **Trần Thị L**.

Cùng địa chỉ: Thôn 14, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk - *Có mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn bà Trần Thị L trình bày:**

Tôi và vợ chồng bà Cao Thị N, ông Phạm Thanh H có quan hệ quen biết và nhiều lần mua bán cám heo với nhau từ năm 2012. Đến ngày 16/6/2015 âm lịch, sau khi tính toán nợ thì bà N, ông H còn nợ của tôi số tiền 88.285.000 đồng, cùng ngày

16/6/2015 âm lịch bà Cao Thị N ký giấy xác nhận nợ tôi số tiền 88.285.000 đồng và tính tròn số là 88.000.000 đồng. Tuy nhiên, kể từ ngày ký giấy xác nhận nợ đến nay bà N, ông H không trả nợ cho tôi được khoản nào, trong khi đó tôi phải chịu tiền lãi suất đối với Công ty cám mà tôi lấy cám heo bán lại cho các hộ dân. Tại đơn khởi kiện nộp cho Tòa án tôi yêu cầu số tiền gốc là 88.285.000 đồng và lãi suất là 17.774.000 đồng. Tuy nhiên, do nhầm lẫn nên nay tôi chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Cao Thị N, ông Phạm Thanh H có nghĩa vụ trả cho tôi số tiền 88.000.000 đồng gốc và lãi suất là 9.707.000 đồng (tính đến ngày 30/7/2017 với mức 1%/tháng). Tổng cộng là 97.707.000 đồng.

**** Tại bản tự khai, quá trình tố tụng và tại phiên tòa, bị đơn bà Cao Thị N trình bày:***

Tôi thừa nhận vợ chồng tôi với bà Trần Thị L có quan hệ mua bán cám heo với nhau từ năm 2012. Sau khi lấy cám heo từ bà Trần Thị L thì vợ chồng tôi cũng đã trả tiền cho bà L nhiều lần. Do heo dịch bệnh, chết hàng loạt nên đến năm 2015 chúng tôi có nợ bà L số tiền 88.285.000 đồng. Ngày 16/6/2015 âm lịch, sau khi tính toán nợ thì tôi có ký giấy xác nhận nợ bà L số tiền 88.285.000 đồng; bà L tính tròn là 88.000.000 đồng; không thể hiện thời hạn trả nợ hay lãi suất. Nay tôi đồng ý trả nợ cho bà L số tiền 88.000.000 đồng và xin trả nợ dần. Ngoài ra, việc bà L yêu cầu tôi phải trả lãi suất tôi không đồng ý.

Về chứng cứ bà L xuất trình thể hiện nội dung ngày 16/6/2015 âm lịch tôi có ký nợ bà L số tiền 88.000.000 đồng thì tôi xác định là chữ ký của tôi. Các biên bản hòa giải tại UBND xã E là chữ ký của tôi và tôi thừa nhận các chứng cứ này, không có ý kiến gì.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Thanh H trình bày:***

Tôi đồng ý với ý kiến của bà Cao Thị N (vợ tôi), tôi thừa nhận vợ chồng tôi đang nợ bà L số tiền 88.285.000 đồng vào ngày 16/6/2015 âm lịch. Bà L tính tròn số là 88.000.000 đồng. Hiện do điều kiện kinh tế khó khăn, heo dịch bệnh nên tôi đồng ý trả cho bà Trần Thị L số tiền 88.000.000 đồng. Tuy nhiên, tôi xin trả nợ dần mỗi tháng 1.500.000 đồng cho đến khi trả xong nợ chứ vợ chồng tôi không có điều kiện trả nợ cho bà L một lần. Về lãi suất bà L yêu cầu thì tôi không đồng ý.

**** Tại bản tự khai, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Đình L và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của ông L là bà Trần Thị L trình bày:***

Giữa vợ chồng tôi với vợ chồng ông H, bà N có quan hệ mua bán cám heo với nhau, tính đến ngày 16/6/2015 âm lịch, bà N, ông H còn nợ vợ chồng tôi số tiền 88.285.000 đồng. Chúng tôi tính tròn là 88.000.000 đồng. Đến nay bà N, ông H không trả nợ số tiền này, số tiền này là tài sản chung của vợ chồng tôi nên tôi đề nghị Tòa án buộc ông H, bà N có nghĩa vụ trả cho vợ chồng tôi số tiền trên và lãi suất. Tôi (L) thống nhất với ý kiến của vợ tôi là bà Trần Thị L và không có ý kiến gì thêm.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện EaKar đã ban hành hành thông báo thụ lý vụ án cho nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Triệu tập các đương sự ghi bản tự khai, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công

khai chứng cứ và hòa giải nhưng các bên không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Căn cứ Điều 203 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa các đương sự giữ nguyên ý kiến và đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

*** Về tố tụng:** Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Thẩm phán đã ban hành các quyết định, việc cấp tổng đạt các văn bản cho đương sự theo đúng quy định của pháp luật. Thành phần Hội đồng xét xử đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

*** Về nội dung vụ án:**

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị L.

Buộc bà Cao Thị N và ông Phạm Thanh H có nghĩa vụ trả cho bà Trần Thị L và ông Nguyễn Đình L số tiền tiền 93.764.000 đồng. Trong đó: tiền gốc 88.000.000 đồng và lãi suất 5.764.000 đồng.

Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết về án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của các đương sự, Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn bà Trần Thị L khởi kiện đối với bà Cao Thị N, các đương sự thường trú tại xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện EaKar, tỉnh Đắk Lắk.

. [2] Về nội dung:

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trần Thị L, bị đơn bà Cao Thị N và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Phạm Thanh H, ông Nguyễn Đình L cùng xác nhận giữa vợ chồng bà L, ông L với vợ chồng bà N, ông H có quan hệ mua bán cám heo với nhau từ năm 2012, cụ thể vợ chồng bà N, ông H mua cám heo của vợ chồng bà L, ông L. Đến ngày 16/6/2015 âm lịch, sau khi tính toán tiền mua bán cám, bà Cao Thị N ký xác nhận còn nợ bà L, ông L số tiền 88.285.000 đồng. Các đương sự thừa nhận tính tròn số là 88.000.000 đồng. Vì vậy, có căn cứ xác định đến ngày 16/6/2015 âm lịch bà N, ông H còn nợ bà L, ông L số tiền 88.000.000 đồng. Ông H, bà N thừa nhận đến nay ông bà chưa trả số tiền nêu trên. Do ông H, bà N không thanh toán số tiền 88.000.000 đồng nên việc bà L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông H, bà N có nghĩa vụ trả cho bà L, ông L số tiền 88.000.000 đồng là có căn cứ cần chấp nhận.

Xét yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị L về việc buộc ông H, bà N phải trả tiền lãi suất từ ngày 16/6/2015 âm lịch tạm tính đến ngày 30/7/2017 dương lịch với mức lãi suất 1%/tháng đối với số tiền 88.000.000 đồng; Hội đồng xét xử xét thấy: Theo

chứng cứ bà L xuất trình có chữ ký của bà N thể hiện bà N còn nợ bà L, ông L số tiền 88.250.000 đồng, tính tròn 88.000.000 đồng; giấy xác nhận nợ không thể hiện lãi suất cũng như thỏa thuận thời hạn trả nợ. Việc bà L cho rằng từ năm 2015 bà đã nhiều lần yêu cầu ông H, bà N trả nợ nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh. Căn cứ đơn kiến nghị của bà L ghi ngày 06/01/2017 về việc đề nghị Ban tự quản thôn 14, Ủy ban nhân dân xã E giải quyết cũng như các biên bản hòa giải của Ủy ban nhân dân xã E các ngày 12/01/2017; 15/02/2017; 20/3/2017 có đủ căn cứ xác định đến ngày 06/01/2017 thì bà L mới yêu cầu ông H, bà N trả nợ số tiền nêu trên. Vì vậy, căn cứ ngày bà L làm đơn yêu cầu để buộc ông H, bà N phải trả cho bà L, ông L lãi suất kể từ ngày 06/01/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 28/9/2017 với mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước công bố là 0,75%/tháng, cụ thể:

$88.000.000 \text{ đồng} \times 0,75\% \times 8 \text{ tháng} 22 \text{ ngày} = 5.764.000 \text{ đồng}.$

Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L, buộc bà N, ông H có nghĩa vụ trả cho bà L, ông L số tiền nợ cam heo 88.000.000 đồng và lãi suất 5.764.000 đồng. Tổng cộng 93.764.000 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà N, ông H đề nghị được trả dần cho bà L, ông L mỗi tháng 1.500.000 đồng cho đến khi trả xong số nợ 88.000.000 đồng. Tuy nhiên, ý kiến của bà N, ông H không được bà L chấp nhận. Nên Hội đồng xét xử không có căn cứ để xem xét nguyện vọng của bà N, ông H.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Cao Thị N, ông Phạm Thanh H phải chịu 4.688.200 đồng án phí dân sự sơ thẩm (theo mức $93.764.000 \text{ đồng} \times 5\% = 4.688.200 \text{ đồng}$)

Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên bà Trần Thị L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả cho bà L số tiền 2.651.475 đồng đã nộp tạm ứng án phí sơ thẩm theo biên lai số AA/2016/0002913 ngày 12/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện EaKar tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 203; Điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 357, 430, 440 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Áp dụng Điều 27, 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: 1. Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Trần Thị L.

Buộc bà Cao Thị N và ông Phạm Thanh H có nghĩa vụ trả cho bà Trần Thị L và ông Nguyễn Đình L số tiền **93.764.000** đồng (*Chín mươi ba triệu bảy trăm sáu mươi bốn nghìn đồng*). Trong đó: tiền gốc 88.000.000 đồng và lãi suất 5.764.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, bà L và ông L có đơn yêu cầu Thi hành án, nếu chưa thi hành án thì bà N và ông H còn phải chịu thêm khoản tiền lãi suất theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự trên số tiền phải thi hành án tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc bà Cao Thị N, ông Phạm Thanh H phải chịu 4.688.200 đồng (*Bốn triệu sáu trăm tám mươi tám nghìn hai trăm đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho bà Trần Thị L số tiền 2.651.475 đồng (*Hai triệu sáu trăm năm mươi một nghìn bốn trăm bảy mươi lăm đồng*) đã nộp tạm ứng án phí sơ thẩm theo biên lai số AA/2016/0002913 ngày 12/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự.”/

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện EaKar;
- Chi cục THADS huyện EaKar;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đình Cường